

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị H - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình T - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H (có đơn xin xét xử vắng mặt) và anh T (không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 27/6/2014 tại UBND xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, không tìm được Tg nói chung trong cuộc sống gia đình, anh T có quan hệ tình cảm với

người con gái khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, có lúc dẫn đến xô xát. Anh T đã nhiều lần xin lỗi, hứa sẽ sửa chữa nhưng đều không hề sửa chữa gì, vẫn chứng nào tật ấy. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Do không thể chịu đựng được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2021 cho đến nay và từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau, mỗi người tự lo cho bản thân của mình. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đình T.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Phạm Bảo T, sinh ngày 10/9/2014 và Phạm Tuyết L, sinh ngày 02/6/2020, hiện nay chị H không có thai. Cháu bảo T đang sống với anh T, cháu Tuyết L đang sống với chị H. Nếu được ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuyết L, giao cháu Bảo T cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Phạm Đình T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Công nhận chị H trình bày về điều kiện kết hôn như vậy là đúng thực tế. Trong cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được Tg nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ tháng 3/2021 cho đến nay chị H đã mang con thứ hai của vợ chồng là Phạm Tuyết L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, mỗi người đều tự lo cuộc sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh không đồng ý ly hôn, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con cái.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Phạm Bảo T, sinh ngày 10/9/2014 và Phạm Tuyết L, sinh ngày 02/6/2020, hiện nay chị H không có thai. Cháu bảo T đang sống với anh T, cháu Tuyết L đang sống với chị H. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo T, giao cháu Tuyết L cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở

chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T; Về con chung, đề nghị giao cháu Phạm Tuyết L cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Bảo T cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị H và anh T đều có địa chỉ cư trú tại xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Cao Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Đình T không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã T hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 25/5/2021. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Phạm Đình T kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H vợ chồng sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cãi và đánh nhau. Từ tháng 3/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Theo anh T vợ chồng sau khi kết hôn cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được Tg nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ tháng 3/2021 cho đến nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ để chăm sóc con cái.

Xét thấy: Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng qua lời khai của anh và chị H đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau đánh nhau, cả anh và chị đều khai thống nhất vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã T hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T chỉ có mặt một lần sau đó

không có mặt và tại phiên tòa anh cũng vắng mặt không có lý do bỏ mặc việc giải quyết vụ án chứng tỏ anh không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị H đã thực sự không còn tình cảm với anh T, anh T không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Phạm Bảo T, sinh ngày 10/9/2014 và Phạm Tuyết L, sinh ngày 02/6/2020, hiện nay chị H không có thai. Cháu Bảo T đang sống với anh T, cháu Tuyết L đang sống với chị H. Anh T và chị H đều thống nhất nếu ly hôn thì anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo T, giao cháu Tuyết L cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Tòa án cũng đã T hành xác minh tại địa phương, qua xác minh xác định: Anh T làm nghề sửa điện thoại, chị H làm lao động tự do có thu nhập đủ điều kiện để chăm sóc con.

Như vậy, cả anh và chị đều khoẻ mạnh, có việc làm, có thu nhập, nên cần giao mỗi người nuôi 01 cháu là phù hợp. Hiện nay cháu Bảo T đang ở với anh T, nên cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Tuyết L hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt và đảm bảo hơn về tâm sinh lý của các cháu và cũng phù hợp với ý kiến nguyện vọng của anh và chị. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGD giao cháu Tuyết L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một cháu, anh chị đều có việc làm và có thu nhập đủ sinh hoạt nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị H và anh Phạm Đình T.

2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là:

Phạm Bảo T - Sinh ngày 10 tháng 9 năm 2014;

Phạm Tuyết L - Sinh ngày 02 tháng 6 năm 2020.

2.1. Giao con chung Phạm Tuyết L, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2020 cho chị Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Phạm Bảo T, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2014 cho anh Phạm Đình T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

2.3. Chị H, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0013582 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã An Nông (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

